

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 30 -7 - 2024
“V/v tranh chấp bồi thường thiệt
hại về sức khỏe bị xâm phạm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Hoàng Văn Hào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Trúc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa:** Bà Xeo Thái Dịu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về sức khỏe*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Hiền L, sinh năm 1962

Địa chỉ: xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Bị đơn: Ông Lê Phi T, sinh năm 1976

Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Phi T2, sinh ngày 13/11/2006.

Địa chỉ: xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Kim T3, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2023, bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị Hiền L trình bày:

Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 16/3/2023, bà Đào Thị Hiền L đang đi bộ phía bên phải theo hướng từ ngã ba xã Đ, huyện Đ theo hướng lên Thị trấn Đ, khi đi ngang qua cửa hàng điện thoại Sỹ Chiến thì bị cháu Lê Phi T2, sinh ngày 13/11/2006, địa chỉ: xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An điều khiển xe máy mang biển số 61-N9 9186 đi theo hướng từ Trung tâm G thuộc địa bàn xã Đ lên hướng thị trấn Đ đâm vào người bà L đang đi bộ, hậu quả: Bà L bị thương tích phải cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ.

Sau 02 ngày xảy ra tai nạn, vào ngày 18/3/2023, tại nhà bà Đào Thị Hiền L, xóm C, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, gia đình bà L gồm có bà L, chồng bà L là ông Hoàng Kim T3 và con rể là anh Lê Hồng Q và gia đình cháu T2 (gồm có bố mẹ cháu T2 là ông Lê Phi T, bà Bùi Thị T1 và cháu T2), trước sự chứng kiến của anh Đặng Sỹ C1, xóm C, xã Đ đã thỏa thuận và thống nhất lập biên bản về việc thỏa thuận giải quyết tai nạn giao thông. Nội dung thỏa thuận như sau: Bên gây tai nạn thừa nhận sự việc xảy ra tai nạn giao thông xảy ra hoàn toàn là do lỗi của cháu Lê Phi T2 gây ra; Bên gây tai nạn phải chi trả tất cả chi phí phục hồi sức khỏe cho bà L như: viện phí, thăm khám lại và trồng lại răng....

Sau khi thỏa thuận xong, gia đình ông Lê Phi T đã bồi thường trước 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho bà L. Kể từ đó, gia đình ông T cố tình trốn tránh trách nhiệm và không chịu bồi thường chi phí còn lại theo như biên bản thỏa thuận giữa hai bên đã cam kết.

Do đó, bà L đề nghị gia đình ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 (bố mẹ của cháu Lê Phi T2) phải trả chi phí chữa trị, phục hồi sức khỏe cho bà L trong quá trình điều trị thương tích cụ thể như sau:

** Tiền khám và điều trị:*

- Từ ngày 16/3/2023 đến ngày 24/3/2023 tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ bà L đã chi trả số tiền 163.685 đồng; tiền khám, điều trị và 137.000 đồng tiền thuốc ngoài theo kê đơn của bác sỹ kê. Tổng số tiền 300.685 đồng.

- Từ ngày 10/4/2023 đến ngày 14/4/2023, tại Bệnh viện H1 đã chi trả số tiền 140.632 đồng.

- Ngày 13/7/2023, tại Bệnh viện T6, thành phố V đã chi gồm:

+ Tiền trồng trụ răng Implant chi trả hết 30.000.000 đồng.

+ Tiền khám để cấy trụ răng Implant chi trả hết 628.400 đồng

+ Tiền trồng 02 răng phải (Sau 06 tháng kể từ khi cấy trụ I mới trồng được) mỗi răng 5.000.000 đồng. Tổng: chi trả hết 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*).

* Tổng số tiền khám và điều trị là 41.069.717 đồng (*Bốn mươi một triệu không trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm mười bảy đồng*).

** Tiền thuê xe đi lại, các lần đi viện:*

- Ngày 16/3/2023 và 24/3/2023 điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ, tổng chi phí là 200.000 đồng.

- Ngày 10/4/2023 và 14/4/2023 điều trị tại Bệnh viện H1. Tổng chi phí là 1.200.000 đồng.

- Ngày 13/7/2023 đi từ nhà đến Bệnh viện T6, thành phố V, tỉnh Nghệ An để trồng chân răng. Tổng phí là 600.000 đồng.

- Sau 06 tháng kể từ thời điểm cấy trụ răng phải thuê xe đi trồng răng. Tổng chi trả là 600.000 đồng.

Tổng các lần thuê xe đi và về đã chi trả 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

* Tiền thu nhập bị mất của người nghỉ việc chăm sóc: 03 tháng x 12.000.000 đồng = 36.000.000 đồng.

* Tiền thu nhập bị mất của người bị nạn: 03 tháng x 6.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

* Tiền bù đắp tổn thất về sức khỏe và tinh thần: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)

* Tiền mua sữa bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: Sữa Ensure Gold 02 lọ/ngày x 02 tháng (60 ngày) x 55.000 đồng = 6.600.000 đồng.

* Tiền đi lại và mua thuốc gia truyền trị gãy xương chân ở xã N, huyện Đ và xã M, huyện Y: 2.000.000 đồng.

* Tiền mua xe lăn và nạng:

Xe lăn: 1.200.000 đồng + nạng 200.000 đồng. Tổng: 1.400.000 đồng.

* Tiền y sao bệnh án tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ với số tiền là: 120.000 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo yêu cầu của bà Đào Thị Hiền L là: 137.789.717 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười bảy đồng*).

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Đào Thị Hiền Lương L bổ sung yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe thêm 02 khoản tiền buộc ông T và bà T1 phải trả thêm khoản tiền làm răng theo biên lai ngày 23/12/2023: 3.000.000 đồng và 01 biên lai ngày 30/12/2023 là 7.400.000 đồng, T4 hai khoản là 10.400.000 đồng và bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện.

Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa của bị đơn ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 trình bày:

Ông Tiến trình b:

Về sự việc xảy ra gây tai nạn ngày 16/3/2023 như lời bà L trình bày tại phiên tòa thì ông T không đồng ý. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 16/3/2023, ông T được bạn bè của cháu Lê Phi T2 báo cháu T2 đã gây ra tai nạn tại xã Đ, huyện Đ. Khi ông T và vợ là bà Bùi Thị T1 đến hiện trường vụ tai nạn thì người bị thương là bà L đã được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện Đ. Ông T không có mặt

chứng kiến vụ tai nạn, tuy nhiên qua lời kể của bạn bè cháu T2, ông T cho rằng việc bà L bị thương tích không liên quan đến cháu T2. Sau đó ông T, bà T1 đến Bệnh viện đa khoa huyện Đ để chăm sóc bà L trong suốt quá trình bà L điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ. Chiếc xe máy gây tai nạn mang biển số 61-N9 9186 do cháu T2 điều khiển, ông T không giao cho cháu T2, cũng không biết cháu mượn của ai là chủ sở hữu.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà L, ông T không đồng ý bồi thường vì sự việc gây tai nạn vào ngày 16/3/2023 không có biên bản ghi nhận tại hiện trường do cơ quan công an giải quyết, biên bản về thỏa thuận giải quyết tai nạn giao thông vào ngày 18/3/2023 do bà L cung cấp cho Toà án giải quyết, ông T không đồng ý vì trong biên bản không phải chữ ký của ông và vợ bà T1 và cháu T2. Trong quá trình điều trị, ông T có đưa cho gia đình bà L 10.000.000 đồng do chồng bà L yêu cầu, ông T không biết đó là khoản tiền gì. Ông T cho rằng số tiền bà L yêu cầu bồi thường là quá cao, gia đình ông không có khả năng để bồi thường, ông T yêu cầu xác minh làm rõ sự việc gây tai nạn có phải do con ông gây ra hay không.

Bà T1 trình bày:

Về sự việc gây tai nạn ngày 16/3/2023, bà T1 đồng ý với phần trình bày của ông T, cho rằng việc bà L bị thương tích do tai nạn giao thông là có thật, tuy nhiên khi xảy ra tai nạn vợ chồng chị T1 không có mặt, khi đến nơi xảy ra tai nạn thì người đã được đưa đi cấp cứu, lúc đó con tôi hoảng loạn, tôi chỉ nghe mọi người nói con tôi gây tai nạn, chứ cháu T2 không nói gì cả, sau đó hai bên cũng trao đổi việc bồi thường nhưng gia đình bà L yêu cầu quá cao, bà T1 không đồng ý với mức bồi thường vì gia đình bà T1 không đủ điều kiện kinh tế để chi trả số tiền nhiều như vậy. Trước đó, bà Bùi Thị T1 đã bồi thường cho bà L 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Bà T1 đã đưa số tiền trên cho ông Hoàng Kim T3 là chồng của bà L, hai bên có lập biên bản giao nhận tiền vào ngày 18/3/2024. Đối với biên bản về thỏa thuận giải quyết tai nạn giao thông vào ngày 18/3/2023 bà L cung cấp tại Toà án, bà T3 xác nhận đó là chữ ký của bà T3 và của ông T là chồng bà T3 và cháu T2 con trai của bà T3. Tuy nhiên tại thời điểm đó không có mặt anh Đặng Văn C, người làm chứng, cũng không có mặt đại diện Ủy ban nhân dân xã vì biên bản được lập tại nhà bà L. Gia đình bà T3 ký vào biên bản không tự nguyện, do quá hoảng sợ nên gia đình bà T3 lúc đó mới cùng ký xác nhận vào biên bản thỏa thuận bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lê Phi T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai của người làm chứng anh Đặng Văn C trình bày:

Anh C thừa nhận sự việc gây tai nạn như lời bà L trình bày. Anh C là người chứng kiến toàn bộ quá trình gây ra tai nạn vào 16 giờ 30 phút ngày 16/3/2023 và quá trình gia đình bà L, ông T lập Biên bản về thỏa thuận giải quyết tai nạn giao thông vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 18/3/2023.

Tại phiên tòa người làm chứng ông Hoàng Kim T3 trình bày: Sự việc gây tai nạn là do cháu T5 gây ra cho bà L, ông là người trực tiếp chăm sóc bà L trong quá trình điều trị và có nhận được khoản bồi thường tự nguyện từ gia đình cháu T2 số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*).

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền và lợi ích, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 13, Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 02 ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Hiền L buộc các bị đơn ông Lê Phi T và Bùi Thị T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà L tổng số tiền 40.849.085 đồng. Trong đó bao gồm:

- Chi phí khám, chữa bệnh: 31.049.085 đồng.
- Chi phí thuê phương tiện đi lại: 800.000 đồng.
- Tiền thu nhập thực tế bị mất của người đưa người đưa người bệnh đi khám sức khỏe: 1.800.000 đồng.
- Chi phí bồi dưỡng sức khỏe cho người bị thiệt hại: 1.800.000 đồng.
- Về tổn thất tinh thần do bị thương tích: 5.400.000 đồng.

Ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 đã bồi thường trước 10.000.000 đồng. Tổng số tiền còn lại ông Lê Phi T và Bùi Thị T1 phải trả cho bà Đào Thị Hiền L là: 30.849.085 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Phi T, bà Bùi Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đào Thị Hiền L có đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 có nghĩa vụ bồi thường các chi phí thiệt hại do sức khỏe của mình bị xâm phạm. Theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng về việc “Yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về sức khỏe”.

Bị đơn ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 có nơi cư trú tại xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 16/3/2023, cháu Lê Phi T2 sinh ngày 13/11/2006, địa chỉ: xóm C, xã B, huyện Đ, tỉnh Nghệ An điều khiển xe máy mang biển số 61-N9 9186 theo hướng từ Trung tâm G, xã Đ lên hướng thị trấn Đ thì đâm vào bà Đào Thị Hiền L đang đi bộ phía bên phải đường, bà L bị ngã trước cửa hàng điện thoại Sỹ Chiến, phải cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ. Hậu quả bà L bị đa thương tích do tai nạn giao thông, vết thương phức tạp môi dưới, gãy răng, gãy hở, gãy đơn thuần xương mác, tổn thương cổ chân trái, gãy xương ngón chân, gãy kín, tổn thương nông, tác động ngực bụng, lưng dưới và khung chậu (Theo bệnh án trích sao ngày 27/6/2023 của Bệnh viện đa khoa huyện Đ). Bà L điều trị tại Bệnh viện Đ từ ngày 16/3/2023 - 24/3/2023, sau đó tiếp tục điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa tỉnh H1 từ ngày 10/4/2023 - 14/4/2023 và trồng răng sứ tại Bệnh viện răng hàm mặt và phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ (BV RHM VÀ PTTHTM) Thái Thượng H, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào tháng 12/2023.

Hai bên đã lập biên bản về việc thỏa thuận giải quyết tai nạn giao thông vào ngày 18/3/2023 thừa nhận sự việc tai nạn giao thông xảy ra vào ngày 16/3/2023 là do lỗi của cháu Lê Phi T2 và gia đình cháu T2 đồng ý bồi thường cho bà L. Tại phiên tòa, nguyên đơn khẳng định việc thỏa thuận giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện đã ký vào biên bản thỏa thuận giải quyết tại nạn giao thông và có người chứng kiến, hai bên không mời cơ quan chức năng đến hiện trường

lập biên bản sự việc vì phía bị đơn có đề nghị hoà giải với nhau không muốn đưa ra pháp luật vì cháu P gây tai nạn còn là học sinh.

[3]. Về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Hội đồng xét xử nhận thấy, sự việc xảy ra vào ngày 16/3/2023 dẫn tới bà L bị thương tích là sự kiện có thật được chứng minh qua biên bản thỏa thuận giữa hai bên ngày 18/3/2023 và lời khai của bà L, ông T và bà T1. Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do lỗi của cháu Lê Phi T2 điều khiển xe máy tham gia giao thông với tốc độ cao nên đã đâm vào bà L đang đi bộ phía bên phải đường nên phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu bồi thường của nguyên đơn đối với bị đơn có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[4] Về năng lực chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại thời điểm xảy ra hành vi vi phạm là ngày 16/3/2023, cháu T2 chưa tròn 17 tuổi (Cháu T2 sinh ngày 13/11/2006). Nay nguyên đơn bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông T, bà T1 là mẹ của cháu T2 bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bà L là đúng quy định pháp luật. Tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật dân sự quy định như sau: “ ... Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi gây thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình; nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình”. Quá trình xác minh xác định hiện cháu Lê Phi T2 đang đi học, sống phụ thuộc vào bố mẹ nên không có tài sản riêng. Vì vậy bố mẹ cháu T2 là ông T và bà T1 phải bồi thường theo quy định. Do đó, yêu cầu bồi thường của nguyên đơn đối với bị đơn có căn cứ là phù hợp quy định của pháp luật cần được chấp nhận.

[5] Xét các yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, các hoá đơn hợp lệ cho quá trình chi phí điều trị phục hồi thương tích do cháu T2 gây ra, cần chấp nhận các chi phí hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật như sau:

+ Tiền y sao bệnh án tại bệnh viện Đa khoa huyện Đ với số tiền là: 120.000 đồng; chi trả viện phí nội trú với số tiền là 163.685 đồng tiền khám; 137.000 đồng tiền thuốc ngoài theo kê đơn của bác sỹ kê.

+ Tiền trông trẻ I với số tiền là 30.000.000 đồng. Tiền khám để cấy trụ răng I với số tiền là 628.400 đồng (328.400 + 300.000đ).

* Tổng: 31.049.085 đồng (*Ba mươi một triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm tám mươi lăm đồng*).

+ Tiền chi phí thuê xe đi điều trị, đi trông răng tuy không có hóa đơn, chứng từ chứng minh nhưng cần chấp nhận ở mức chi phí hợp lý, bởi đây là những chi phí phát sinh trên thực tế. Bà L điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ từ ngày 16/3/2023 đến 24/3/2023, nên chấp nhận yêu cầu bồi thường tiền đi lại là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

+ Tiền chi phí điều trị tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa tỉnh H1 từ ngày 10/4/2023 - 14/4/2023 là 140.632 đồng (*Một trăm bốn mươi nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng*) có hoá đơn hợp lệ cần chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn

+ Tiền thuê xe đi chữa trị tại Bệnh viện H2 là do nguyên đơn đi khám lại vết thương do bị tai nạn cần xem xét chấp nhận nhưng xét yêu cầu tiền thuê xe đi khám của nguyên đơn là quá cao so với thực tế, chỉ chấp nhận mức chi tiêu đi - về với số tiền 600.000đ là phù hợp

+ Đối với yêu cầu số tiền bị mất thu nhập của bà L trong thời gian điều trị và sau khi điều trị về: Xét bà L là cán bộ hưu trí được hưởng lương hưu từ ngân sách ngoài ra bà L trong thời gian điều trị không có hợp đồng lao động có thu nhập nào khác, cho nên bà L không bị mất thu nhập thực tế, do đó không chấp nhận yêu cầu bồi thường khoản thu nhập thực tế của nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ.

+ Đối với khoản thu nhập bị mất của người chăm sóc người bị nạn trong thời gian điều trị theo nguyên đơn yêu cầu, cần căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 chỉ được chấp nhận mức bồi thường xác định là một ngày lương tối thiểu vùng tại nơi cư trú của người bị thiệt hại cho một ngày chăm sóc người bị thiệt hại.

+ Đối với khoản yêu cầu bù đắp tổn thất về sức khỏe và tinh thần số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) của nguyên đơn. Xét thấy yêu cầu bù đắp tổn thất về sức khỏe của bà L, xét thấy hậu quả bị thương tích của bà L là đa thương tích do tai nạn giao thông, vết thương phức tạp môi dưới, gãy răng, gãy hờ, gãy đơn thuần xương mác, tổn thương cổ chân trái, gãy xương ngón chân, gãy kín, tổn thương nông tác động ngực bụng, lưng dưới và khung chậu, có ảnh hưởng đến thẩm mỹ và khả năng di chuyển đã ảnh hưởng đến thể chất, thẩm mỹ và tinh thần đối với bà L. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường tổn thất về mặt tinh thần do phía bị đơn gây nên. Nhưng xét thấy số tiền yêu cầu bồi thường tổn thất về mặt tinh thần 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) là quá cao so với thực tế hậu quả thương tích đối với nguyên đơn, căn cứ khả năng thu nhập của bố mẹ và bản thân cháu T2 người gây ra tai nạn là người chưa thành niên, đang học sinh, chưa có tài sản riêng và thu nhập cá nhân. Do đó cần chấp nhận mức bồi thường về mặt tổn thất tinh thần cho nguyên đơn ở mức bằng 03 tháng lương cơ sở tại thời điểm bị thiệt hại là 3 tháng x 1.800.000đ/tháng = 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Các khoản tiền không được chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của nguyên đơn gồm:

- Đối với tiền trồng 02 răng phải (Sau 06 tháng kể từ khi cấy trụ I mới trồng được) Mỗi răng 5.000.000 đồng (Tổng 10.000.000 đồng) và tiền mua thuốc gia truyền trị gãy xương chân ở xã N, huyện Đ và xã M, huyện Y: 2.000.000 đồng; Xe lăn: 1.200.000 đồng + Nặng 200.000 đồng. Đây là chi phí điều trị và đi

lại bà L tự phát, không có chỉ định của bác sỹ, cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với số tiền mua sữa bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: Sữa Ensure Gold 02 lọ/ngày x 02 tháng (60 ngày) x 55.000 đồng = 6.600.000 đồng. Bà L không cung cấp được hóa đơn, không cung cấp được chỉ định bác sỹ yêu cầu nên không chấp nhận.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử hỏi bà L về việc có thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện hay không thì bà L vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là buộc ông T và bà T1 phải bồi thường 137.789.717 đồng và yêu cầu bổ sung thêm 02 khoản tiền tại biên lai ngày 23/12/2023: 3.000.000 đồng và 01 biên lai ngày 30/12/2023 là 7.400.000 đồng (Tổng 10.400.000 đồng) nhưng lại không nêu tổng số tiền cụ thể sau khi bổ sung thêm là bao nhiêu. Bên cạnh đó, các biên lai này bà cũng không chứng minh được cho việc làm răng của bà. Do đó việc bổ sung thêm hai chi phí tại biên lai trên làm phát sinh thêm việc làm tăng giá trị yêu cầu mà lẽ ra yêu cầu này ngay tại phiên họp công khai chứng cứ các đương sự phải bổ sung nhưng nguyên đơn không bổ sung theo quy định khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại tiêu mục 7 Phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 giải đáp của Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu này vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên không chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đối với thời gian điều trị tại các bệnh viện và các khoản yêu cầu bồi thường có căn cứ được chấp nhận để tính số tiền bị thiệt hại về sức khỏe của nguyên đơn cụ thể như sau:

+ Thời gian điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ từ ngày 16/3/2023 đến ngày 24/3/2023

+ Thời gian điều trị tại Bệnh viện Hữu Nghị Đa khoa tỉnh H1 (khám lại): ngày 10/4/2023 đến ngày 14/4/2023

+ Tiền y sao bệnh án: 120.000đ

+ Chi phí viện phí nội trú: 163.685đ

+ Đơn thuốc ngày 19/3/2023: 137.000đ

+ Hoá đơn khám tại Bệnh Hữu nghị đa khoa Nghệ An: 140.632đ

+ Tiền trồng trụ răng Implant: 30.000.000đ

+ Biên thu tiền Bệnh viện T6 (phân tích tế bào máu ngoại vi: 328.000đ

+ Biên lai thu tiền chụp CLPT ngày 13/7/2023: 300.000đ

+ Chi phí thuê xe hai chiều đi khám chữa trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Đ: 200.000đ

+ Chi phí thuê xe 02 chiều đi - về khám lại tại Bệnh viện Hữu nghị đa khoa tỉnh H1: 600.000đ

+ Chi phí thuê xe 02 chiều đi - về khám lại tại Bệnh viện T6: 600.000đ

+ Tiền bồi dưỡng sức khoẻ trong thời gian điều trị: 200.000đ x 14 ngày = 2.800.000đ

+ Tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị hại: 200.000đ x 14 ngày = 2.800.000đ

+ Khoản tiền bù đắp về mặt bị tổn thất tinh thần cho người hại do bị thương tích tổn thất tinh thần là 5.400.000 đồng (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Tổng các khoản tiền mà bà Đào Thị Hiền L yêu cầu bồi thường, sau khi xem xét Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của bà Đào Thị Hiền L, buộc ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đào Thị Hiền L tất cả các khoản chi phí có biên lai, hóa đơn chứng từ chứng minh và những chi phí thực tế có căn cứ chấp nhận với số tiền là 43.589.317 đồng (*Bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm mười bảy đồng*).

Ngày 18/3/2023, bà Bùi Thị T1 (mẹ của cháu Lê Phi T2) đã bồi thường trước số tiền là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho bà L (Theo giấy giao nhận tiền giữa bà T1 và ông Hoàng Kim T3) Vậy, ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 có nghĩa vụ bồi thường số tiền bị thiệt hại về sức khỏe cho bà Đào Thị Hiền L sau khi trừ đi số tiền đã bồi thường trước 10.000.000đ, số tiền còn lại phải bồi thường là 33.589.317 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm mười bảy đồng*).

[5] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Đào Thị Hiền L:

Buộc ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bà Đào Thị Hiền L số tiền bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm là 43.589.317 đồng (*Bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm mười bảy đồng*) nhưng được trừ đi số tiền đã bồi thường trước 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) còn phải bồi thường tiếp là 33.589.317 đồng (*Ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm mười bảy đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Lê Phi T và bà Bùi Thị T1 phải chịu 1.679.465 đồng (*một triệu sáu trăm bảy mươi chín bốn trăm sáu mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15(Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Đại